



tán xiāng

檀香

noun · sandalwood (fragrant wood)

Example Sentences

wǒ xǐ huān tán xiāng de wèi dào
我喜欢檀香的味道。

I like the scent of sandalwood.

sì miào lǐ diǎn rán le tán xiāng qì fēn hěn níng jìng
寺庙里点燃了檀香，气氛很宁静。

Sandalwood incense was lit in the temple,
creating a peaceful atmosphere.

Trace each character, then write the word on your own.

檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀
檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀	檀		
香	香	香	香	香	香	香	香	香	香	香
香										